

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **53/2019/DS-PT**

Ngày 12 - 3 - 2019

V/v bồi thường thiệt hại do Quyết định
xử phạt vi phạm hành chính gây ra.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2018/TLPT- DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về bồi thường thiệt hại do Quyết định xử phạt vi phạm hành chính gây ra.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2018/QĐPT- DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông K, sinh 1957

Nơi cư trú: huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư T – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của UBND xã D: Ông T, Chức vụ: Chủ tịch UBND xã D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, là người đại diện theo pháp luật; có mặt.

Trụ sở làm việc: xã D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Ông K là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 1997, ông K và ông N tranh chấp 10 công đất, tại bản án phúc thẩm dân sự số 19/PTDS ngày 22/02/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau buộc ông K giao trả lại ông N 10 công đất. Không đồng ý với bản án phúc thẩm, ông K khiếu nại đến Tòa án nhân dân tối cao. Tại văn bản số 1193/DS ngày 13/10/1998, Tòa án nhân dân tối cao trả lời là không chấp nhận khiếu nại của ông K.

Đội Thi hành án dân sự huyện Đ (nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ) tiến hành cưỡng chế thi hành án đối với ông K. Do không chấp hành án, năm 1998, ông K bị Tòa án xử phạt 16 tháng tù về tội không chấp hành án. Ngày 07/7/2000 Đội Thi hành án tiến hành cưỡng chế giao đất cho ông N, nhưng khi Đội thi hành án về thì ông K tiếp tục sử dụng lại đất; Ngày 21/6/2001 Đội Thi hành án tiếp tục tiến hành giao đất cho ông N nhưng vẫn như lần trước ông N không sử dụng được mà ông K tiếp tục sử dụng; ông N tiếp tục yêu cầu nhưng đến nay vẫn chưa nhận được đất quản lý, sản xuất. Ngày 08/11/2017, Ủy ban nhân dân xã D (Viết tắt UBND xã D) lập biên bản vi phạm hành chính về việc ông K có hành vi lấn chiếm đất của người khác; ngày 16/01/2018 Chủ tịch UBND xã D ra Quyết định số 01/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông K, mức phạt 2.000.000đ. Không đồng ý với Quyết định xử phạt, ông K khởi kiện Quyết định xử phạt hành chính ra Tòa án nhân dân huyện Đ. Tại phiên đối thoại ngày 14/5/2018 Chủ tịch UBND xã D thống nhất ra Quyết định hủy bỏ Quyết định số 01/QĐ-XPVPHC ngày 16/01/2018; ông K thống nhất rút đơn khởi kiện. Ngày 18/5/2018 Chủ tịch UBND xã D đã ra Quyết định số 70/QĐ-HBXPVPHC Hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPVPHC với lý do có vi phạm về thủ tục xử lý vi phạm hành chính, ông K rút Đơn khởi kiện; ngày 31/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 01/2018/QĐST-HC Công nhận kết quả đối thoại thành và Đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 25/5/2018, ông K có Đơn yêu cầu UBND xã D bồi thường thiệt hại do Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPVPHC ngày 16/01/2018 là trái pháp luật gây ra; ngày 31/5/2018 Tòa án đã chuyển đơn đến UBND xã D; ngày 29/6/2018, tại UBND xã D tiến hành thương lượng nhưng không thành.

Ngày 18/8/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ nhận được Đơn khởi kiện của ông K khởi kiện UBND xã D yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần là 10.000.000đ và tiền chi phí thuê phương tiện đi lại, thuê luật sư tư vấn, thuê dịch vụ pháp lý, pho tô tài liệu – chứng cứ 12.000.000đ, tổng là 22.000.000đ; tại phiên hòa giải ông K thay đổi yêu cầu bồi thường còn 20.400.000đ.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 589, điểm c khoản 1 Điều 592 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 8, khoản 1 Điều 17, Điều 27, Điều 28, khoản 4 Điều 33 và khoản 7 Điều 52, khoản 1 Điều 53 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K yêu cầu UBND xã D bồi thường 20.400.000đ. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông K.

Ngày 20/11/2018 ông K nộp đơn kháng cáo (Đơn kháng cáo đề ngày 19/11/2018) yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông.

Tại phiên tòa, ông K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông K khởi kiện UBND xã D tại Tòa án nhân dân huyện Đ yêu cầu bồi thường thiệt hại vì ông cho rằng, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPVPHC ngày 16/01/2018 của Chủ tịch UBND xã D là trái luật, gây ra thiệt hại cho ông; yêu cầu khởi kiện này của ông thuộc trường hợp đòi bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước như án sơ thẩm xác định là đúng. Song, cấp sơ thẩm có những vi phạm mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, đó là:

Theo quy định Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước thì việc xác định trách nhiệm bồi thường nhà nước phải có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định văn bản gây thiệt hại đó được ban hành trái pháp luật. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì Quyết định số 01/QĐ-XPVPHC ngày 16/01/2018 của Chủ tịch UBND xã D ban hành xử phạt ông K hiện nay chưa có Văn bản đã có hiệu lực pháp luật nào của cơ quan có thẩm quyền xác định Quyết định số 01/QĐ-XPVPHC ngày 16/01/2018 là trái pháp luật.

Đối với Quyết định số 70/QĐ-HBXPVPHC ngày 18/5/2018 của Chủ tịch UBND xã D ban hành Hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPVPHC ngày 16/01/2018. Thấy rằng, trong quyết định ghi lý do để Chủ tịch UBND xã D ban hành Quyết số 70/QĐ-HBXPVPHC là do có vi phạm về thủ tục xử lý vi phạm hành chính chứ không phải là Quyết định số 01/QĐ-XPVPHC ngày 16/01/2018 ban hành trái pháp luật. Tại Tòa án, Chủ tịch UBND xã D khẳng định, Quyết định số 01/QĐ-XPVPHC ngày 16/01/2018 là không trái pháp luật và người khởi kiện cũng thừa nhận chưa có văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền xác định Quyết định số 01/QĐ-XPVPHC ngày 16/01/2018 là trái pháp luật. Như vậy, điều kiện để khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước theo quy định của pháp luật là phải có văn bản có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định hủy, thu hồi, sửa đổi, bổ sung quyết định hành chính với lý do quyết định đó được ban hành trái pháp luật.

Do đó, ông K khởi kiện UBND xã D đòi bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước do Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPVPHC ngày 16/01/2018 gây ra là chưa đủ điều kiện để khởi kiện.

Do cấp sơ thẩm có vi phạm mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên Hội thẩm án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án trả đơn khởi kiện cho người khởi kiện với lý do chưa đủ điều kiện để khởi kiện.

Do hủy án sơ thẩm nên những yêu cầu kháng cáo của ông K cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[2] Án phí: Do Hội thẩm án sơ thẩm nên ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311; điểm g, h khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 1 Điều 192; khoản 3 Điều 148 – Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 13 – Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước 2009; Điều 8, khoản 1 Điều 17 – Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước 2017; Khoản 3 Điều 29 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: - Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử vụ án bồi thường thiệt hại giữa nguyên đơn K với bị đơn Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau và đình chỉ giải quyết vụ án trên.

- Án phí dân sự:

+ Ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Miến